

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HS-PT  
Ngày 17 - 6 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Nghĩa**

*Các Thẩm phán*

: Ông **Nguyễn Văn Tuấn**

: Bà **Lâm Vương Mỹ Linh**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Phùng Tấn Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:**  
Ông **Phạm Bai** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 26/2020/TLPT-HS ngày 01 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Lê Xuân T và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

***Các bị cáo bị kháng cáo:***

**1. Lê Xuân T** (tên gọi khác: **C**), sinh năm 1990, tại Nha Trang, Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị C; Tiền án: Bị xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 57/2018/HS-PT ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa) và 01 năm 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (Bản án số 147/2018/HS-ST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang); Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 27/9/2018; Tạm giam ngày 06/10/2018: Có mặt;

**2. Nguyễn Ngọc H** (tên gọi khác: **V**), sinh năm 1990, tại Nha Trang; Nơi cư trú: Tổ n, TN, phường V, thành phố N, Khánh Hòa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị E; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị xử phạt 12 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 28/2011/HS-ST ngày 06/5/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/12/2011) và 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 76/2019/HS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân thành

phố Nha Trang); Tiền sự: Không. Hiện đang thi hành hình phạt tù của bản án trên. Ngày 27/9/2019 được trích xuất về Trại tạm giam Công an tỉnh Khánh Hòa: Có mặt;

**3. Trần Trọng Th** (tên gọi khác: **B**), sinh năm 1988, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Phường T, thành phố N, Khánh Hòa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Thế T và bà Đỗ Thị Lệ D; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 116/2018/HS-PT ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa); Bị bắt tạm giữ ngày 27/9/2018; Tạm giam ngày 06/10/2018: Có mặt;

Ngoài ra, còn có bị cáo Nguyễn Duy S không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

***Người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:***

***Các bị hại có kháng cáo:***

1. **Ngô Thị M**, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Phường V, thành phố N: Vắng mặt;

2. **Võ Ngọc Minh T**, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Phường V, thành phố N: Vắng mặt;

3. **Trương Thế K**, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Tổ dân phố n, phường N, thị xã H: Vắng mặt;

4. **Trần Bá T**, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa: Có mặt;

5. **Lê Thị H**, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa: Có mặt;

6. **Lương Đức T**, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa: Có mặt;

7. **Nguyễn Phương Đ**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ liên lạc: 54A Đô Lương, Phước Hòa, Nha Trang: Vắng mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 23 tháng 7 năm 2018, Lê Xuân T điều khiển xe máy hiệu Yamaha Sirius chở Nguyễn Ngọc H đi trộm cắp tài sản. Khi đến trước phòng trọ ở số 38 Sao Biển, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, phát hiện bên trong có để nhiều xe máy, H dùng mỏ lết phá khóa cổng vào trong lấy: 01 xe máy hiệu Yamaha Janus, biển kiểm soát 79N2-215.57 (trị giá 24.360.000đ) của chị Hoàng Thị Phương A; 01 xe máy hiệu Yamaha hiệu Exciter, biển kiểm soát 79H1-343.88 (trị giá 26.000.000đ) của anh Võ Ngọc Minh T; 01 xe máy hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 79N1-656.39 (trị giá 15.960.000đ) của chị Ngô Thị M;

Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 06 tháng 8 năm 2018, Lê Xuân T điều khiển

xe máy hiệu Honda Vision chở Nguyễn Ngọc H đi trộm cắp tài sản. Khi đến trước phòng trọ ở số 02D hẻm Hưng Đạo, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, phát hiện trong sân có để nhiều xe máy, H dùng mỏ lết bẻ khóa cổng vào trong lấy: 01 xe máy hiệu Honda Winer, biển kiểm soát 79H1-215.57 (trị giá 43.225.000đ) của anh Lương Đức T; 01 xe máy hiệu Yamaha hiệu Exciter, biển kiểm soát 79D1-397.41 (trị giá 35.490.000đ) của anh Nguyễn Phương Đ rồi mang xe trộm cắp được về nhà “Q E” cất giấu. Sau đó, T, H và T1 quay lại lấy 01 xe máy hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát 79N2-501.86 (trị giá 44.550.000đ) của chị Lê Thị H, 01 xe máy hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát 79N2-221.69 (trị giá 39.150.000đ) của anh Trần Bá T;

Vào ngày 25 tháng 9 năm 2018, Nguyễn Duy S điều khiển xe máy hiệu Honda Vision chở Trần Trọng Th và Lê Xuân T đi trộm cắp tài sản. Khi đến trước phòng trọ ở Tổ 21 Hòn Chồng, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, phát hiện dãy phòng trọ không có khóa cửa, Th vào lấy 01 xe máy Yamaha Sirius, biển kiểm soát 79H1-394.93 trị giá 13.650.000đ của anh Trương Thế K, 01 xe máy Yamaha Sirius, biển kiểm soát 79Z1-137.50 trị giá 9.250.000đ của anh Trần Thế Q.

Ngoài ra, ngày 12/7/2018 và ngày 22/8/2018, T và H còn trộm cắp xe Honda AirBlade trị giá 5.600.000đ của anh Võ Minh H, xe Honda Vision trị giá 22.500.000đ của chị Trương Thị Bình N; Ngày 26/9/2018, T cùng S, Th, K trộm cắp xe Honda SH 125i trị giá 60.520.000đ của chị Huỳnh Thị Ánh T.

Ngoài các vụ tham gia cùng T nói trên, ngày 31/8/2018, H và Th còn trộm cắp xe Honda SH 125i trị giá 47.570.000đ của anh Nguyễn Thế Thiên V. Ngày 06/9/2018, H còn trộm cắp xe Honda SH mode trị giá 48.410.000đ của chị Đoàn Thị M và xe Honda AirBlade trị giá 15.480.000đ của chị Vũ Thị H.

Tổng số tài sản Lê Xuân T trộm cắp có giá trị 340.225.000đ;

Tổng số tài sản Nguyễn Ngọc H trộm cắp có giá trị 368.295.000đ;

Tổng số tài sản Trần Trọng Th trộm cắp có giá trị 130.990.000đ;

Tại Bản án số 32/2020/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Xuân T 10 năm tù; Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Ngọc H 09 năm tù; Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Trọng Th 04 năm tù. Bản án sơ thẩm không xem xét bồi thường thiệt hại giữa bị cáo với bị hại Nguyễn Phương Đ và một số bị hại khác. Tách ra giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với các bị hại Trần Minh T, Lê Thị H, Lương Đức T, Võ Minh H, Trương Thị Bình N. Ngoài ra, bản án còn tổng hợp hình phạt của Bản án số 76/2019/HS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đối với Nguyễn Ngọc H, xử phạt Nguyễn Duy S 02 năm tù, quyết định trách nhiệm dân sự của các bị cáo đối với các bị hại Võ Ngọc Minh T, Ngô Thị M và Trương Thế K, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, các bị hại Ngô Thị M, Võ Ngọc Minh T kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Ngọc H; Bị hại Trương Thế K kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo Trần Ngọc Th.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, các bị hại Trần Bá T, Lê Thị H, Lương Đức T, Nguyễn Phương Đ kháng cáo bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Lê Xuân T và Nguyễn Ngọc H.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, bị hại Nguyễn Phương Đ có đơn xin rút kháng cáo và xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, các bị hại Trần Bá T, Lê Thị H, Lương Đức T đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Ngọc H và yêu cầu xem xét, giải quyết trách nhiệm dân sự của các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Ngọc H.

Anh Trần Bá T yêu cầu các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Ngọc H phải liên đới bồi thường cho anh 39.150.000đ (mỗi bị cáo phải bồi thường 19.575.000đ).

Anh Lương Đức T yêu cầu bị cáo Lê Xuân T và bị cáo Nguyễn Ngọc H phải liên đới bồi thường cho anh 43.225.000đ (mỗi bị cáo phải bồi thường 21.612.500đ).

Chị Lê Thị H yêu cầu bị cáo Lê Xuân T và bị cáo Nguyễn Ngọc H phải liên đới bồi thường cho chị 25.000.000đ (mỗi bị cáo phải bồi thường 12.500.000đ).

Các bị hại Ngô Thị M, Võ Ngọc Minh T, Trương Thế K trình bày tại đơn kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo H đã bồi thường cho chị Ngô Thị M 5.000.000đ, bồi thường cho anh T 10.000.000đ; Bị cáo Th đã nhờ gia đình bồi thường cho anh K 4.000.000đ. Chị M, anh T đề nghị xem xét giảm hình phạt cho bị cáo H; Anh K đề nghị xem xét giảm hình phạt cho bị cáo Th.

Các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Ngọc H, Trần Trọng Th đều khai nhận đã thực hiện các lần trộm cắp tài sản đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và cho là bản án kết tội các bị cáo là đúng pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Ngọc H và Trần Trọng Th còn trình bày, sau phiên tòa sơ thẩm bị cáo H đã nhờ gia đình bồi thường cho chị M 5.000.000đ và bồi thường cho anh Võ Ngọc Minh T 10.000.000đ, gia đình bị cáo Th đã bồi thường cho anh Trương Thế K 4.000.000đ.

Bị cáo Lê Xuân T và Nguyễn Ngọc H đồng ý với các yêu cầu đòi bồi thường của các bị hại Trần Bá T, Lê Thị H, Lương Đức T.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị hại về hình phạt đối với các bị cáo, chấp nhận kháng cáo của các bị hại Trần Bá T, Lê Thị H, Lương Đức Th về yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Phiên tòa xét xử vắng mặt các bị hại Ngô Thị M, Võ Ngọc Minh T, Trương Thế K, Nguyễn Phương Đ theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị hại Nguyễn Phương Đ đã rút kháng cáo theo đơn đề ngày 15/6/2020 nên việc xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị hại Nguyễn Phương Đ được đình chỉ theo quy định tại Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm thu thập. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định: Trong thời gian từ ngày 12/7/2018 đến ngày 26/9/2018, các bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, tài sản mỗi lần bị các bị cáo chiếm đoạt đều có giá trị trên hai triệu đồng. Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Trong vụ án này, Lê Xuân T là người không có nghề nghiệp, đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Bị cáo đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 340.255.000đ. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 173 (chiếm đoạt tài sản giá trị từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng) và áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”, “phạm tội 02 lần trở lên”, “tái phạm” quy định các điểm b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt 10 năm tù đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên kháng cáo của các bị hại Trần Bá T, Lê Thị H, Lương Đức T về việc tăng hình phạt đối với bị cáo T là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không tổng hợp hình phạt chưa chấp hành của bản án trước đối với bị cáo T là có thiếu sót.

[4] Ngoài 06 vụ trộm cắp bị truy tố xét xử trong vụ án này với số tài sản chiếm đoạt được có tổng giá trị 368.295.000đ, trước đó (ngày 26/3/2018) Nguyễn Ngọc H còn thực hiện trộm cắp tài sản có giá trị 53.500.000đ (đã bị xử phạt 03 năm tù theo bản án số 76/2019/HS-ST ngày 19.4.2019 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang). Do vậy, Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 173 (chiếm đoạt tài sản giá trị từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng) và áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”, “phạm tội 02 lần trở lên” quy định các điểm b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt 09 năm tù đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có tác động gia đình bồi thường cho bị hại Ngô Thị M và Võ Ngọc Minh T nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên kháng cáo của các bị hại Trần Bá T, Lê Thị H, Lương Đức T về việc tăng hình phạt đối với bị cáo cũng như kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo của các bị hại Ngô Thị M, Võ Ngọc Minh T là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Bị cáo Trần Trọng Th 03 lần thực hiện tội phạm với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 130.990.000đ nên thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 173 và áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 04 năm tù là phù hợp. Sau xét xử sơ thẩm, bị cáo tác động để gia đình bồi thường cho bị hại K nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị hại Trương Thế K về việc xin giảm hình phạt cho bị cáo.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Ngọc H và các bị hại Trần Bá T, Lê Thị H, Lương Đức T đã thỏa thuận với nhau về việc bồi thường thiệt hại. Sự thỏa thuận của các bị cáo và các bị hại này là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được công nhận.

[7] Các bị cáo không có kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Kháng cáo của các bị hại Trần Bá T, Lê Thị H, Lương Đức T về việc xem xét trách nhiệm dân sự của các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Ngọc H được chấp nhận nên các bị hại Trần Bá T, Lê Thị H, Lương Đức T không phải chịu án phí phúc thẩm.

[9] Ngoài số tiền 19.550.000đ Lê Xuân T phải bồi thường cho các bị hại Võ Ngọc Minh T, Ngô Thị M, Trương Thế K và số tiền 15.000.000đ Nguyễn Ngọc H phải bồi thường cho các bị hại Võ Ngọc Minh T, Ngô Thị M (theo bản án sơ thẩm) thì bị cáo Lê Xuân T và Nguyễn Ngọc H còn phải bồi thường cho các bị hại Trần Bá T, Lê Thị H, Lương Đức T – mỗi bị cáo là 53.687.500đ nên cần sửa án phí dân sự sơ thẩm đối với các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Ngọc H cho phù hợp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự,  
Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị hại Nguyễn Phương Đ.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự,  
Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Ngô Thị M, Võ Ngọc Minh T, Trương Thế K, Trần Bá T, Lê Thị H, Lương Đức T giữ nguyên các quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Ngọc H, Trần Trọng Th,

2.1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm b, g, h khoản 1 Điều 52, Điều 56 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Lê Xuân T 10 (mười) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 02 năm 03 tháng tù của bản án số 147/2018/HS-ST ngày 06/7/2018, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 12 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ (27/9/2018); Thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2017 đến ngày 08/3/2018 được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

2.2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52, Điều 56 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Nguyễn Ngọc H 09 (chín) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 03 năm tù của Bản án số 76/2019/HS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (28/9/2018).

2.3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Trần Trọng Th 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ (27/9/2018).

3. Chấp nhận kháng cáo của các bị hại Trần Bá T, Lê Thị H, Lương Đức T về trách nhiệm dân sự của các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Ngọc H,

Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị hại Trần Bá T, Lê Thị H, Lương Đức T và các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Ngọc H như sau:

3.1. Các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Ngọc H phải liên đới bồi thường cho anh Trần Bá T 39.150.000đ (ba mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng); Trong đó, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh T là 19.575.000đ (mười chín triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

3.2. Các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Ngọc H phải liên đới bồi thường cho anh Lương Đức T 43.225.000đ (bốn mươi ba triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng); Trong đó, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh T 21.612.500đ (hai mươi một triệu sáu trăm mười hai nghìn năm trăm đồng);

3.3. Các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Ngọc H phải liên đới bồi thường cho chị Lê Thị H 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng); Trong đó, mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị H 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

4.1. Sửa án phí dân sự sơ thẩm đối với các bị cáo Lê Xuân T và Nguyễn Ngọc H như sau:

Bị cáo Lê Xuân T phải chịu 3.661.875đ (ba triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo Nguyễn Ngọc H phải chịu 3.434.375đ (ba triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Các bị cáo bị kháng cáo, các bị hại có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Công an TP. Nha Trang;
- VKSND TP. Nha Trang;
- TAND TP. Nha Trang;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Vụ Giám đốc 1;
- Chi cục THA DS TP. Nha Trang;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu án văn;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)  
Bùi Thị Nghĩa**









